

Bản án số: 620/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thanh Hương - Nguyên là Hiệu trưởng Trường mầm non Tân Quy.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh - Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Quận 7.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 197/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường H, quận G, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ tạm trú: đường C, khu phố A, phường K, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang H1, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: đường D, khu phố C, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Quang H1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01/2010, do Ủy ban nhân dân phường H, quận G, Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2010.

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng bà hòa thuận. Tuy nhiên, trong những năm gần đây vợ chồng bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống; vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau; hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân mỗi người một nơi đến nay được ba năm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể quay lại chung sống với nhau được nữa. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà H và ông H1 có 01 con chung tên Nguyễn Quang H2, sinh ngày 04/4/2012. Con sống với bà từ nhỏ đến nay, khi vợ chồng sống ly thân thì ông H1 có về thăm con rồi lại đi nên bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn - Ông Nguyễn Quang H1*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự*:

[2] Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông Nguyễn Quang H1; Địa chỉ cư trú: đường D, khu phố C, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu được ly hôn với ông H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Bà H và ông H1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01/2010 ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân phường H, quận G, Thành phố Hà Nội là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà H trình bày thì trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng bà hòa thuận. Tuy nhiên, trong những năm gần đây vợ chồng bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống; vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau; ông bà đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân mỗi người một nơi đến nay được 03 năm. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể quay lại chung sống với nhau được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để bà H đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm với ông H1 và đoàn tụ gia đình nhưng bà H cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống.

[9] Đối với ông H1, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông H1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng ông không đến Tòa giải quyết vụ án, ông cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà H và không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, chứng tỏ ông cũng không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H và không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình.

[10] Như vậy, ông H1 đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của bà H được thừa nhận mà không cần phải chứng minh. Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được

nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[11] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[12] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bà H và ông H1 có 01 con chung tên Nguyễn Quang H2, sinh ngày 04/4/2012. Theo bà H thì con sống với bà từ nhỏ đến nay, khi ly thân thì ông H1 có về thăm con rồi lại đi. Do đó, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

[13] Căn cứ vào khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của trẻ và trẻ đã trình bày từ nhỏ sống cùng mẹ là bà H và được mẹ thường xuyên chăm sóc nên trẻ có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà H.

[14] Xét thấy, bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung từ khi con nhỏ đến nay, chứng tỏ bà H có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con, hơn nữa việc tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi là cần thiết đảm bảo ổn định tâm lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con, mặt khác ông H1 cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà H. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà H sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[15] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[16] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông

Nguyễn Quang H1.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01/2010 ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân phường H, quận G, Thành phố Hà Nội)

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Quang H2, sinh ngày 04/4/2012 cho bà H được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng.

Ông H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0014172 ngày 25/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương